TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày 25-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy

Ông Đỗ Văn Thư

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1993, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Phạm Thị H (đã chết); vợ con: Chưa có; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 09/2017/HSST ngày 21 tháng 02 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo ra trại ngày 08 tháng 02 năm 2018; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 60/2011/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2011, Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án); bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 10 năm 2018, tạm giam ngày 25 tháng 10 năm 2018; có mặt.

- *Bị hại*: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có yêu cầu xin vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Đăng T, anh Nguyễn Trung T, anh Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 05 tháng 10 năm 2018, Lê Văn T đi đến khu vực thôn L, xã P, huyện A, thành phố Hải Phòng xem có nhà nào sơ hở thì lấy tài sản. Phát hiện nhà ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1965, trú tại thôn L, xã P, huyện D, thành phố Hải Phòng khóa cổng, khóa cửa nhưng T vẫn đi vào vườn phía sau nhà ông Đ. T mở cửa gỗ phía sau nhà đi vào khu công trình phụ và thấy cửa lách đi lên nhà chính cài then ở phía trong. T lấy chiếc tay cầm bằng kim loại của bình bơm thuốc sâu dài khoảng 50cm của nhà ông Đ rồi lách qua khe cửa đẩy được then cài phía trong cửa lách và mở cửa đi lên nhà chính. Phát hiện chiếc ti vi Sony 42 inch để trên kệ gỗ trong phòng khách, T rút phích điện rồi lấy chiếc chăn mỏng ở giường bọc lấy chiếc ti vi. Sau đó, T bê ti vi cùng dây nguồn trèo qua tường bao ở cuối vườn nhà ông Đ thì bị ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1946, trú tại thôn L, xã P, huyện D, thành phố Hải Phòng, là hàng xóm nhà ông Đ nhìn thấy thì T bảo "cháu nhờ tí" rồi trèo qua tường bao ra ngoài. T cất giấu chiếc ti vi ở xưởng may cũ cạnh nhà ông Đ rồi đi bộ đến quán điện tử ở gần đó và gặp Phạm Văn T, sinh năm 1988, trú tại thôn L, xã P, huyện D, thành phố Hải Phòng đang chơi điện tử. T nhờ T chở T về nhà trọ dọn đồ. T đồng ý và điều khiển xe máy chở T về khu vực xưởng may. T đứng ở ngoài còn T đi vào bê chiếc ti vi vừa cất giấu ra và nhờ T chở về cuối thôn L. Sau đó, T để ti vi ở khu vực tường bao nhà bà Nguyễn Thị L ở cùng thôn rồi nhờ T gọi hộ xe taxi. Sau khi xe taxi đến thì T bê ti vi lên xe và rủ T đi cùng. Khi đến thôn D, xã L, huyện D, thành phố Hải Phòng, T gặp anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1991, trú tại thôn D, xã L, huyện D, thành phố Hải Phòng và bảo là ti vi của nhà rồi bán cho anh T với giá 1.500.000 đồng còn chiếc chăn bọc ti vi T vứt trên đường đi. Sau khi nhận được tiền, T rủ T đi ăn uống và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông Phạm Văn Đ có đơn trình báo Cơ quan Công an về sự việc trên. Quá trình Cơ quan điều tra xác minh, thu thập chứng cứ, ngày 06 tháng 10 tháng 2018, anh Nguyễn Đăng T giao nộp chiếc ti vi trên cho Cơ quan Công an.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, Lê Văn T đã đến Cơ quan Công an đầu thú về hành vi của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY màu đen, màn hình tinh thể lỏng, MODEL No KDL-40R350B, Ser. No 2943414, made in Malaysia trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015

Tại phiên toà bị cáo Lê Văn T khai nhận:

Do cần tiền để tiêu sài cho bản thân nên ngày 05 tháng 10 năm 2018, sau khi phát hiện thấy nhà ông Phạm Văn Đ ở thôn L, xã P, huyện D, thành phố Hải Phòng không có ai ở nhà nên bị cáo đã nẩy sinh ý định vào nhà ông Đ trộm cắp tài sản. Bị cáo đi vào vườn phía sau nhà ông Đ mở cửa gỗ phía sau nhà đi vào khu công trình phụ và thấy cửa lách đi lên nhà chính cài then ở phía trong. Bị cáo lấy chiếc tay cầm bằng kim loại của bình bơm thuốc sâu của nhà ông Đ rồi lách qua khe cửa đẩy được then cài phía trong cửa lách và mở cửa đi lên nhà chính. Phát hiện chiếc ti vi Sony 42 inch để trên kệ gỗ trong phòng khách, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc ti vi và mang đi bán cho anh T như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác định bản thân vi phạm pháp luật, việc điều tra, truy tố, xét xử là đúng người đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp lại số tiền 1.500.000đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại dài khoảng 50 cm, hình trụ tròn, một đầu có hàn ống hình tròn khoảng 03 cm, đường kính khoảng 1.5cm (tay cầm bình bơm thuốc sâu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt nhưng đã có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra, bị hại và người làm chứng đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị

hại và người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, thành phố hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[3] Về các chứng cứ xác định có tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, thành phố Hải Phòng phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn T đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của gia đình ông Phạm Văn Đ tại thôn L, xã P, huyện D, thành phố Hải Phòng 01 chiếc ti vi theo kết luận định giá tài sản có giá trị 3.000.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ.

Do vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản ", tội phạm được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Tính chất vụ án tuy nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, sau khi chấp hành án xong hình phạt của bản án trước, trong một thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt*:*

[5] Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của gia đình ông Phạm Văn Đ là 3.000.000 đồng, nên hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T đã vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tài liệu hồ sơ xác định bị cáo có 02 tiền án. Tại Bản án số 60/2011/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2011, Tòa án nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đối với tiền án này bị cáo đã được xóa án tích. Tại Bản án số 09/2017/HSST ngày 21 tháng 02 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện D, thành

phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08 tháng 02 năm 2018; Tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về hình phạt bổ sung:

[8] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Xét tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo, bản thân bị cáo không có việc làm, thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[9] Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY màu đen, màn hình tinh thể lỏng, MODEL No KDL-40R350B, Ser. No 2943414, made in Malaysia và 01 thanh kim loại dài khoảng 50 cm, hình trụ tròn, một đầu có hàn ống hình tròn khoảng 03 cm, đường kính khoảng 1,5cm (tay cầm bình bơm thuốc sâu). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc ti vi nói trên cho gia đình ông Đ nên không còn gì phải xét. Đối với 01 thanh kim loại (tay cầm bình bơm thuốc sâu) hiện Cơ quan Thi hành án dân sự huyện D, thành phố Hải Phòng đang quản lý. Xét thanh kim loại trên là của gia đình ông Đ, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

[10] Ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị B đã nhận lại chiếc ti vi, đối với chiếc chăn theo ông Đ bà B trình bày đã cũ không còn giá trị, bị cáo vứt đi không thu hồi được nên ông Đ bà B không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Số tiền 1.500.000đồng anh Nguyễn Đăng T giao cho bị cáo để mua chiếc ti vi bị cáo chiếm đoạt của gia đình ông Đ. Anh T có quan điểm không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên. Tuy nhiên, số tiền này là khoản tiền do phạm tội mà có nên căn cứ vào khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải nộp lại khoản tiền trên để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với Nguyễn Đăng T là người mua chiếc ti vi của T và Phạm Văn T đi cùng T khi mang ti vi đi bán cho anh T nhưng anh T và T không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Lê Văn T 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2018. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Văn T.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015: Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp lại số tiền 1.500.000đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại dài khoảng 50 cm, hình trụ tròn, một đầu có hàn ống hình tròn khoảng 03 cm, đường kính khoảng 1,5cm (tay cầm bình bơm thuốc sâu)

(*Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, thành phố Hải Phòng).*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện D;
- Cơ quan điều tra Công an huyện D;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện D;
- Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương